

QUYỀN KHỞI KIỆN PHÁI SINH CỦA CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

NGUYỄN HỮU HÙNG (*)

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ cơ sở pháp lý, đặc trưng của khởi kiện phái sinh theo pháp luật Việt Nam và phân tích một trường hợp thụ lý điển hình để chỉ ra những hạn chế, đề xuất hướng hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Quyền khởi kiện; khởi kiện phái sinh; quyền cổ đông.

Abstract: This article discussed provisions and features of derivative lawsuit according to Vietnamese law and analysed a particular case in order to point out drawbacks and provide recommendations for Vietnamese lawmakers.

Keywords: Lawsuit right; derivative lawsuit; shareholder right.

Ngày nhận bài: 9/02/2020; Ngày sửa bài: 16/03/2020; Ngày duyệt đăng bài: 14/8/2020.

Dẫn nhập

Quyền khởi kiện phái sinh (derivative action) hay quyền khởi kiện nhân danh công ty của cổ đông đối với người quản lý công ty (NQLCT) lần đầu tiên được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 (LDN2014), trên cơ sở luật hóa Điều 25 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2005 (Nghị định 102). Từ khi LDN năm 2014 có hiệu lực đến nay, hệ thống Tòa án chưa ghi nhận trường hợp khởi kiện phái sinh của cổ đông đối với NQLCT, mặc dù trên thực tế đơn khởi kiện của cổ đông với NQLCT được ghi nhận ngày càng tăng⁽¹⁾. Do đây là phương thức khởi kiện mới được du nhập từ hệ thống pháp luật phương Tây, chưa có hướng dẫn cụ thể nên cách hiểu về khởi kiện phái sinh chưa thống nhất.

Điều này dẫn đến việc Tòa án đã thụ lý vụ án cổ đông khởi kiện nhân danh công ty như một dạng tranh chấp trong công ty cổ phần (CTCP) mà không xem xét đến tỷ lệ sở hữu cổ phần trên 01% mà luật quy định hoặc từ chối thụ lý vì chưa có pháp luật điều chỉnh. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở pháp lý, đặc trưng của khởi kiện phái sinh theo pháp luật Việt Nam và phân tích một trường hợp thụ lý điển hình để chỉ ra những hạn chế, và đưa ra hướng hoàn thiện trong quy định pháp luật Việt Nam hiện nay.

1. Cơ sở pháp lý của quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông theo pháp luật Việt Nam

Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông

(*) Nghiên cứu sinh, Học viện Khoa học xã hội.

(1) Tham khảo tại website: <https://congboanan.toaan.gov.vn/>

là chế định khởi kiện có nguồn gốc từ hệ thống thông luật từ thế kỷ thứ XIX từ thuật ngữ “derivative”⁽²⁾, không phải là một quyền trực tiếp (direct) mà có nghĩa là “*một thứ gì đó dựa trên một nguồn khác*”. Theo pháp luật Anh - Mỹ, quyền khởi kiện phái sinh được hiểu là quyền của cổ đông được pháp luật cho phép nhân danh công ty và vì lợi ích của công ty, khởi kiện các hành vi vi phạm của NQLCT hoặc của bên thứ ba đối với lợi ích của công ty⁽³⁾. Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông có thể nhận thức thông qua các đặc điểm như sau:⁽⁴⁾

Thứ nhất, hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích chung của công ty. Khác với vụ kiện thông thường khi hành vi xâm phạm đến lợi ích trực tiếp của chính cổ đông, vụ kiện phái sinh do cổ đông khởi kiện vì cho rằng hành vi của NQLCT hoặc bên thứ ba xâm hại đến lợi ích của công ty mà người đó nắm giữ cổ phần.

Thứ hai, hành vi vi phạm thực hiện bởi người có nghĩa vụ đối với công ty bao gồm NQLCT hoặc người thứ ba. Hành vi gây thiệt hại thường rất đa dạng, có thể là NQLCT vi phạm nghĩa vụ trung thành, cản trở gây thiệt hại cho công ty, hoặc hành vi của giám đốc tiền nhiệm hoặc giám đốc giấu mặt (shadow director) hay một đối tác của công ty ảnh hưởng quyền lợi của công ty.

Thứ ba, trong vụ kiện phái sinh, NQLCT bao gồm: Hội đồng quản trị (HĐQT), ban giám đốc và ban kiểm soát (BKS), vốn được trao quyền nhân danh công ty khởi kiện người gây thiệt hại để bảo vệ quyền lợi công ty nhưng không muốn hoặc không thể thực hiện

quyền khởi kiện vì bị kiểm soát bởi người vi phạm.

Thứ tư, cổ đông trong khởi kiện phái sinh được pháp luật trao quyền nhân danh công ty khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại cho công ty. Khác với nguyên tắc nguyên đơn đích thực trong vụ kiện trên cơ sở trực tiếp khi nguyên đơn phải là người có lợi ích bị xâm phạm, trong vụ kiện phái sinh, nguyên đơn là người không có lợi ích trực tiếp bị xâm phạm bởi hành vi gây thiệt hại. Tuy nhiên, pháp luật trao quyền cổ đông trong một số trường hợp được nhân danh người bị thiệt hại - công ty để tiến hành khởi kiện người vi phạm.

Thứ năm, chi phí khởi kiện phái sinh về thực tế do nguyên đơn phái sinh (cổ đông) gánh chịu. Chi phí khởi kiện phái sinh bao gồm chi phí tố tụng như án phí, chi phí giám định, và chi phí luật sư. Cổ đông là người phải chịu trước các khoản chi phí này và Tòa án sẽ quyết định việc cổ đông có được công ty bồi hoàn hay không nếu thắng kiện.

Thứ sáu, các khoản bồi thường (nếu có) được chi trả cho công ty chứ không phải cổ đông khởi kiện.

⁽²⁾ Dodge v. Woolsey, 59 U.S. (18 How.) 331, 15L.Ed.401 (1855). Xem Ralph C. Ferrara, Kevin T. Abikoff, Laura Leedy Gansler, Shareholder Derivative litigation: Besieging the Board, tr. 1-15.

⁽³⁾ Hệ thống pháp luật Anh - Mỹ đưa ra khái niệm “direct action” để chỉ các vụ kiện phát sinh trên cơ sở trực tiếp và derivative action để chỉ các vụ kiện phát sinh trên cơ sở gián tiếp. Trong vụ kiện trực tiếp, người đi kiện muốn quyền và lợi ích của mình được bảo vệ.

⁽⁴⁾ Dan W. Puchniak and others, The Derivative Action in Asia: A comparative and Functional Approach, Cambridge book online on 15.11.2015.

Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông được pháp luật Anh - Mỹ khởi xướng xuất phát từ thực tế có những trường hợp công ty không muốn khởi kiện khi thiệt hại được gây ra bởi NQLCT hoặc bên thứ ba. Các thành viên HĐQT hay Tổng giám đốc công ty không ký các đơn khởi kiện của công ty đối với chính bản thân họ vì những quyết định sai trái hoặc vi phạm các nghĩa vụ trung thành, cản trở của họ gây thiệt hại cho công ty⁽⁵⁾.

Pháp luật Việt Nam ghi nhận quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông đối với người quản lý CTCP tại Điều 25 Nghị định 102. Theo đó, cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền yêu cầu BKS khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc). Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện, BKS phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện. Nếu BKS không khởi kiện hoặc trong CTCP không có BKS thì cổ đông có quyền trực tiếp khởi kiện. Với quy định này, cổ đông thiểu số được trao quyền khởi kiện NQLCT mà không cần viện dẫn đến yếu tố “quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”⁽⁶⁾. Tuy nhiên, cổ đông chỉ có thể khởi kiện NQLCT sau khi họ đã thực hiện quyền yêu cầu khởi kiện đối với BKS nhưng không được thực hiện trong thời hạn nhất định.

Kế thừa Nghị định 102, LDN năm 2014 tiếp tục sửa đổi phù hợp hơn với thông lệ quốc tế. Theo Điều 161 thì Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân

đanh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc mà không phải thông qua BKS; đồng thời bổ sung quyền khởi kiện của cổ đông đối với NQLCT khi họ vi phạm nghĩa vụ trung thành, cản trở dẫn đến thiệt hại cho công ty⁽⁷⁾.

Tuy nhiên, quy định tại Điều 161 LDN năm 2014 vẫn chưa đủ để cổ đông và các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết hiệu quả các vụ kiện phái sinh. Khoản 2 Điều 161 LDN năm 2014 quy định: “*Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự*”. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS) chưa có các quy định riêng để hướng dẫn cụ thể về quyền khởi kiện này của cổ đông⁽⁸⁾. Theo đó, khoản 2 Điều 68 BLTTDS vẫn theo hướng nguyên đơn phải là người có thiệt hại thực tế về quyền lợi do hành vi vi phạm của NQLCT⁽⁹⁾. Trong khởi kiện phái sinh,

⁽⁵⁾ Vụ kiện Russell P. Miller v. American Telephone & Telegraph Company.

⁽⁶⁾ Theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, cổ đông chỉ có quyền khởi kiện đối với người gây thiệt hại khi có hành vi xâm phạm đến lợi ích trực tiếp của chính cổ đông (direct action). Khoản 2 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự 2005 quy định: *Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm.*

⁽⁷⁾ Điểm b, c khoản 1 Điều 160 và điểm a khoản 1 Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

⁽⁸⁾ Trương Nhật Quang (2015), *Pháp luật về Doanh nghiệp: Các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb. Dân Trí, tr. 285.

⁽⁹⁾ Khoản 2 Điều 68 BLTTDS 2015 quy định: Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm.

người bị thiệt hại bởi hành vi trái pháp luật là công ty và cổ đông khởi kiện vì lợi ích của công ty, nhưng Điều 187 BLTTDS không quy định cổ đông khởi kiện nhân danh công ty vào nhóm khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn trong áp dụng pháp luật để thụ lý, giải quyết tranh chấp do cổ đông khởi kiện nhân danh công ty trong thời gian qua.

Để khắc phục thiếu sót trên, Công văn 212/TANDTC-PC ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao (Công văn 212) hướng dẫn các trường hợp khởi kiện theo Điều 161 LDN năm 2014 sẽ căn cứ khoản 5 Điều 30 BLTTDS quy định các trường hợp tranh chấp kinh doanh thương mại khác và các điều luật tương ứng trong LDN năm 2014 để giải quyết. Tuy nhiên, Công văn số 212 chưa phân biệt được điểm khác biệt mấu chốt giữa vụ khởi kiện nhân danh công ty với vụ kiện tranh chấp thông thường trong CTCP, mà chỉ dừng lại ở việc thống nhất thụ lý vụ kiện tranh chấp phái sinh theo khoản 5 Điều 30 BLTTDS do trường hợp cổ đông khởi kiện NQLCT không có trong hướng dẫn tại khoản 4 Điều 30, nên dễ dẫn đến việc thụ lý sai loại tranh chấp do cách hiểu không thống nhất.

2. Đặc trưng của quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông theo pháp luật Việt Nam

Việc làm rõ đặc trưng của khởi kiện phái sinh sẽ giúp phân biệt tranh chấp phái sinh với hình thức tranh chấp khác trong CTCP, dựa trên các đặc điểm về đối tượng tranh chấp, quyền khởi kiện, điều

kiện khởi kiện và kết quả của việc giải quyết tranh chấp.

Thứ nhất, về đối tượng tranh chấp. Một vụ án khởi kiện phái sinh có đối tượng tranh chấp tương đồng như một vụ tranh chấp thông thường trong CTCP, tức là các bên tranh chấp các vấn đề liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty, tương tự như những vấn đề được liệt kê tại Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao (Nghị quyết 03) đã hướng dẫn.

Thứ hai, về quyền khởi kiện. Trong vụ khởi kiện thông thường, quyền khởi kiện thuộc về công ty vì quyền và lợi ích hợp pháp của công ty trực tiếp bị xâm hại, đồng thời công ty phải tham gia vụ án với tư cách nguyên đơn, thông qua người đại diện hợp pháp. Trong khi đó, đối với vụ kiện phái sinh, công ty, cụ thể là thông qua NQLCT, đã không thực hiện quyền khởi kiện của mình và chính cổ đông đã thực hiện quyền đó nhân danh công ty và vì lợi ích của công ty. Quyền khởi kiện của công ty không bị mất đi nhưng vì lý do nào đó, công ty không khởi kiện được nên cổ đông sẽ nhân danh công ty để khởi kiện. Cũng cần phân biệt khởi kiện nhân danh công ty với việc công ty ủy quyền cho cổ đông tiến hành khởi kiện vì khi đó, vụ kiện được thụ lý theo thủ tục thông thường, tức là công ty hoàn toàn chủ động trong việc khởi kiện và tham gia vụ kiện với tư cách nguyên đơn do quyền lợi trực tiếp bị xâm hại và cổ đông tham gia với vai trò đại diện hợp pháp để tiến hành

các hoạt động tố tụng. Thời hạn và phạm vi ủy quyền cũng do công ty, thông qua người đại diện theo pháp luật, quyết định. Trong khi đó, với một vụ kiện phái sinh, cổ đông tự thực hiện hành vi khởi kiện và tham gia vụ án với tư cách nguyên đơn, thực hiện quyền và nghĩa vụ như nguyên đơn trong vụ án.

Thứ ba, về điều kiện khởi kiện. Quy định về điều kiện để cổ đông được khởi kiện phái sinh của cổ đông đối với NQLCT có phần hạn chế hơn so với các quyền khởi kiện khác. Đối với các tranh chấp cổ đông với công ty hay giữa cổ đông với nhau được quy định tại khoản 4 Điều 30 BLTTDS, số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ không được đặt ra như điều kiện hạn chế quyền khởi kiện của cổ đông. Tuy nhiên, đối với vụ kiện cổ đông nhân danh công ty khởi kiện NQLCT, người khởi kiện phải là cổ đông hoặc nhóm cổ đông đang nắm giữ tối thiểu 01% cổ phần công ty và thời gian nắm giữ phải liên tục trong thời hạn 06 tháng liên tiếp tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện. Đây là một hạn chế mang tính phổ biến được một số hệ thống pháp luật trên thế giới sử dụng để đảm bảo cân bằng lợi ích giữa cổ đông và công ty, đảm bảo hoạt động của công ty tránh bị gây rối bởi những cổ đông thiếu thiện chí.

Thứ tư, về chi phí tố tụng. Trong vụ kiện phái sinh, cổ đông là người khởi kiện phải chịu các khoản tạm ứng chi phí tố tụng và chỉ được hoàn trả nếu yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Khoản 2 Điều 161 LDN năm 2014 quy định: *Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ*

tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, những khoản bồi thường do hành vi vi phạm gây ra sẽ thuộc về công ty, chứ không phải thuộc về người khởi kiện như đối với một vụ khởi kiện thông thường⁽¹⁰⁾.

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong thụ lý, giải quyết vụ kiện phái sinh

Thực tiễn giải quyết tranh chấp trong CTCP tại Tòa án cho thấy hầu như chưa có vụ án nào được thụ lý theo quy định tại khoản 5 Điều 30 BLTTDS hoặc các điều luật tương ứng trong Luật Doanh nghiệp để giải quyết như hướng dẫn tại Công văn số 212 hay áp dụng quy định tại Điều 161 LDN năm 2014 để thụ lý giải quyết⁽¹¹⁾. Điều này là do đối tượng tranh chấp giữa vụ kiện phái sinh và vụ kiện thông thường tương đối giống nhau như phân tích ở trên nên đa phần các Tòa án áp dụng các quy định tại khoản 3 và 4 Điều 30 BLTTDS cũng như tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết số 03 để thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, điểm bất cập là nếu thụ lý như vụ kiện thông thường, việc khởi kiện dễ bị các cổ đông thiếu thiện chí hoặc các cổ đông chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 161 LDN 2014 (chiếm 01% số cổ phần phổ thông trong thời gian 6 tháng trở lên) lợi dụng

⁽¹⁰⁾ Nguyễn Hữu Hưng (2016), “Nghiên cứu so sánh Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông trong công ty cổ phần theo pháp luật Vương quốc Anh và pháp luật Việt Nam”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội*, số 12 (43), tr. 33.

⁽¹¹⁾ Tham khảo tại website: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>

gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công ty.

Nội dung vụ án:

Năm 2004, Công ty cổ phần MT và Công ty cổ phần CICO ký kết Hợp đồng về việc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu. Theo đó, Công ty MT để Công ty CICO sử dụng nhãn hiệu “COSE” gắn trên sản phẩm trong thời gian là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá chuyển nhượng: 2.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần trong Công ty CICO. Ngoài ra, Công ty MT góp vốn vào Công ty CICO bằng tài sản tương đương 268.660 cổ phần. Ngày 29/6/2005, Công ty CICO được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKKD) lần đầu tiên. Tháng 6/2016, Công ty MT chào bán 268.660 cổ phần tại Công ty CICO và Công ty cổ phần tư vấn MT đã mua với giá 7.015/cổ phần. Ngày 06/7/2016, Công ty MT và Công ty tư vấn MT ký kết “Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 768/2016-HĐCNCP” về việc chuyển nhượng cổ phần cho Công ty tư vấn MT.

Ông Nguyễn Thế L (cổ đông nắm giữ 0,6% cổ phần) đã khởi kiện Công ty MT tại Tòa án nhân dân tỉnh Đ yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng số 768 giữa Công ty MT và Công ty tư vấn MT và không công nhận cổ phần của Công ty MT tương ứng với giá trị sử dụng thương hiệu “COSE” vì 02 lý do:

(1) Trong quá trình hoạt động, Công ty CICO không sử dụng nhãn hiệu “COSE” nên việc công ty CICO được quyền sử dụng nhãn hiệu “COSE” không mang lại lợi nhuận cho công ty; đồng thời việc

Công ty MT được sở hữu cổ phần tại công ty CICO tương ứng với giá trị nhãn hiệu gây thiệt hại cho công ty CICO, đồng thời ảnh hưởng đến các cổ đông khác trong công ty.

(2) Hợp đồng số 768 giữa 2 công ty trên vô hiệu vì Công ty MT là thành viên HĐQT không có quyền bán cổ phần của Công ty CICO cho người khác không phải là cổ đông. Việc giao dịch được sự chấp thuận của HĐQT công ty là không phù hợp vì 2 thành viên trong HĐQT đều là người của Công ty MT nên công ty CICO bị chi phối và quyết định của HĐQT làm ảnh hưởng lợi ích của CICO.

Tòa án tỉnh Đ đã thụ lý vụ án với quan hệ “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với nhau về vốn góp và chuyển nhượng vốn góp” căn cứ vào quy định về thẩm quyền của tòa án đối với tranh chấp thành viên công ty tại khoản 4 Điều 30 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết 03. Xét về đối tượng tranh chấp thì ông L khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông công ty và không công nhận việc góp vốn bằng quyền sử dụng thương hiệu của cổ đông, tức là các hành vi liên quan việc thành lập, hoạt động, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty. Tuy nhiên, ông L không chứng minh được quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị vi phạm như thế nào, trong khi đó quyền lợi bị vi phạm do hành vi trái pháp luật gây ra là điều kiện tiên quyết của quyền khởi kiện theo Điều 186 BLTTDS đã không được Tòa án xem xét.

Phân tích quyền lợi bị xâm phạm của ông L trong các giao dịch trên thì thấy:

- Đối với Hợp đồng số 768 giữa Công ty MT (lúc này là cổ đông và thành viên HĐQT công ty CICO) và Công ty tư vấn MT (không là cổ đông) được xác định là giao dịch giữa cổ đông với người chưa phải là cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 30 BLTTDS. Hợp đồng được ký kết sau 10 năm kể từ thời điểm công ty CICO được cấp GCNĐKKD lần đầu tiên, như vậy công ty MT không thuộc trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Điều 84 LDN 2005 (hay Điều 119 LDN năm 2014). Tranh chấp về chuyển nhượng cổ phần giữa cổ đông với người không phải là cổ đông tại khoản 3 Điều 30 BLTTDS và Điều 6 Nghị quyết 03 được hiểu là tranh chấp về chuyển nhượng cổ phần của chính cổ đông cho người khác không phải cổ đông, tức là người khởi kiện và người bị kiện phải là các bên trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, đồng thời người khởi kiện phải có lợi ích trực tiếp bị xâm hại theo khái niệm nguyên đơn theo Điều 68 BLTTDS. Tuy nhiên, ông L không phải là một bên trong hợp đồng chuyển nhượng và cổ phần được chuyển nhượng cũng không thuộc sở hữu của ông L, tức ông L không có quyền và lợi ích bị xâm phạm nên ông L không có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 BLTTDS và Điều 6 Nghị quyết 03 như Tòa án tỉnh Đ đã áp dụng. Do đó, trường hợp ông L khởi kiện đề nghị tuyên vô hiệu Hợp đồng trên thì Tòa án phải căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 BLTTDS người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 để trả lại đơn khởi kiện đối với yêu cầu này⁽¹²⁾.

- Đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu ngày 30/9/2004 được ký giữa Công ty MT và Công ty CICO. Hợp đồng được thực hiện trong quá trình góp vốn vào công ty CICO, liên quan đến việc xác định tỷ lệ cổ phần của các cổ đông trong công ty CICO, do người đại diện theo pháp luật của công ty CICO ký kết trên cơ sở cuộc họp thống nhất giữa các cổ đông sáng lập, căn cứ trên giá trị đã được các bên thống nhất. Bản thân ông L cũng tham gia vào thỏa thuận này, và cũng không có quyền lợi trực tiếp gắn liền với hợp đồng này. Nếu hợp đồng trên gây thiệt hại cho Công ty CICO thì công ty mới chính là chủ thể có quyền đứng ra khởi kiện, yêu cầu tòa án tuyên bố vô hiệu hoặc yêu cầu hủy đơn phương đối với hợp đồng chuyển giao với Công ty MT. Do đó, nếu căn cứ vào quy định về quyền khởi kiện tại Điều 186 và định nghĩa nguyên đơn tại Điều 68 BLTTDS thì, ông L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận giá trị phần vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng thương hiệu của Công ty MT.

Như vậy, từ 2 lập luận trên, nếu tiếp cận dưới góc độ quyền lợi trực tiếp của nguyên đơn trong vụ kiện theo quy định tại Điều 186 BLTTDS thì ông L không có quyền lợi liên quan và như vậy không có quyền khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã không xem xét đến yếu tố quyền lợi

⁽¹²⁾ Điều 186 BLTTDS 2015, Quyền khởi kiện vụ án: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

chính đáng bị xâm phạm để xác định ông L có quyền khởi kiện hay không mà chỉ xem xét đối tượng bị kiện thuộc phạm vi liệt kê của Nghị quyết số 03 để thụ lý vụ án là chưa thỏa đáng.

Trong vụ kiện trên, yêu cầu của ông L tuyên vô hiệu Hợp đồng số 768 giữa Công ty MT và Công ty tư vấn MT và không công nhận cổ phần của Công ty MT tương ứng với giá trị sử dụng thương hiệu “COSE” liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần giữa cổ đông với người chưa phải là cổ đông. Các giao dịch trên đều ảnh hưởng đến giá trị thực tế mỗi cổ phần của Công ty CICO, trong đó có cổ phần của ông Nguyễn Thế L. Trường hợp Tòa án không công nhận cổ phần của Công ty MT góp vào bằng giá trị chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu “COSE”, tuy không thay đổi số cổ phần mà ông Nguyễn Thế L sở hữu nhưng sẽ làm thay đổi tỷ lệ cổ phần, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức (nếu có) và các quyền phổ thông khác qui định tại Điều 114 LDN năm 2014. Ngoài ra, việc không công nhận bằng phán quyết của Tòa án sẽ ảnh hưởng đến giá trị cổ phần của công ty và công ty chính là người có lợi ích trực tiếp từ phán quyết trên. Như vậy, lợi ích của ông L trong vụ án là lợi ích gián tiếp. Đồng thời, ông L cho rằng hành vi chuyển nhượng của Công ty MT khi đang giữ chức vụ trong HĐQT công ty CICO là ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty CICO. LDN năm 2014 cho phép cổ đông có quyền nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm đối với NQLCT⁽¹³⁾ nếu cho rằng những người này có hành vi gây tổn hại đến lợi ích công ty. Như vậy, khởi kiện của ông L

thỏa mãn dấu hiệu của việc khởi kiện phái sinh đối với NQLCT vì lợi ích của công ty. Và theo hướng dẫn của Công văn số 212 thì vụ việc của ông L phải được thụ lý căn cứ vào khoản 5 Điều 30 BLTTDS thuộc các trường hợp tranh chấp kinh doanh thương mại khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quy định tại Điều 161 LDN năm 2014 cũng có hạn chế quyền khởi kiện của cổ đông nhân danh công ty, theo đó trường hợp này cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng. Do đó, với tỷ lệ cổ phần của ông L tại công ty CICO thì ông không có đủ điều kiện khởi kiện. Như vậy, đơn khởi kiện của ông L phải bị từ chối theo điểm a khoản 1 Điều 192 BLTTDS⁽¹⁴⁾.

Từ phân tích trên, có thể thấy việc xác định một yêu cầu khởi kiện được nộp cho Tòa án có thuộc trường hợp cổ đông khởi kiện nhân danh công ty hay không là vấn đề tương đối phức tạp và có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định điều kiện thụ lý vụ án. Các quy định hiện hành chưa làm rõ được những đặc trưng của vụ kiện nhân danh công ty của cổ đông, từ đó dễ dẫn đến việc thụ lý hoặc từ chối thụ lý không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi và hoạt động kinh doanh của công ty.

⁽¹³⁾ Theo khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 thì người quản lý trong công ty cổ phần gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

⁽¹⁴⁾ Khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015: Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện khi Người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 và Điều 187 của Bộ luật này hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự.

4. Kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật hoàn thiện cơ chế khởi kiện phái sinh của cổ đông

Thứ nhất, kiến nghị bổ sung quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông vào Quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác tại Điều 187 BLTTDS

Theo quy định tại Điều 161 LDN năm 2014, cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền nhân danh công ty khởi kiện NQLCT. Từ những phân tích ở trên, có thể thấy quyền khởi kiện nhân danh công ty được pháp luật trao cho cổ đông với mục đích bảo vệ lợi ích công ty khi công ty không thực hiện việc tự bảo vệ cho mình. Việc khởi kiện của cổ đông nhân danh công ty không phục vụ trực tiếp cho quyền lợi của cổ đông mà nhằm bảo vệ lợi ích của công ty và công ty là người trực tiếp thụ hưởng lợi ích từ kết quả khởi kiện. Có thể thấy đặc điểm khởi kiện vì lợi ích của người khác trong quyền khởi kiện phái sinh là tương đồng với quyền khởi kiện được quy định tại Điều 187 BLTTDS. Tuy nhiên, quyền khởi kiện này chưa được luật hóa trong quy định tại BLTTDS nên có nhiều cách hiểu khác nhau về quyền khởi kiện này của cổ đông như phân tích ở trên.

Điều 187 BLTTDS chỉ quy định 05 nhóm đối tượng khởi kiện vụ án dân sự vì lợi ích của người khác, lợi ích công cộng hoặc lợi ích nhà nước, bao gồm: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong khởi

kiện vụ án về hôn nhân và gia đình; (2) Tổ chức đại diện tập thể lao động có quyền khởi kiện vụ án lao động; (3) Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (4) Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước; (5) Cá nhân có quyền khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì thế, cần bổ sung nhóm cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng vào nhóm người khởi kiện để bảo vệ lợi ích của người khác theo Điều 187 BLTTDS.

Thứ hai, cần có nghiên cứu và hướng dẫn thống nhất nhận thức đối với loại hình tranh chấp này. Theo đó, phải nhận thức vụ án cổ đông khởi kiện nhân danh công ty là một loại tranh chấp nằm trong tranh chấp giữa công ty với NQLCT thuộc thẩm quyền của tòa án quy định tại khoản 4 Điều 30 BLTTDS nhưng cổ đông là người đứng ra khởi kiện vì lợi ích của công ty.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế khởi kiện độc lập so với cơ chế thông thường của pháp luật tố tụng dân sự. Như một vụ kiện thông thường, tòa án chỉ có quyền yêu cầu các bên giao nộp chứng cứ sau khi thụ lý vụ án và đưa các bên liên quan vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, từ phân tích trên, để thụ lý một vụ khởi kiện phái sinh của cổ đông thì cần xác định được cổ đông có quyền sở hữu 01% tổng số cổ phần phổ thông của công ty hay không và

thời gian nắm giữ cổ phần có đủ 6 tháng liên tiếp kể từ thời điểm khởi kiện hay không. Tòa án sẽ không xác định được các điều kiện này nếu không có cơ chế cho phép Tòa án yêu cầu bị đơn (NQLCT) hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty) giao nộp các tài liệu, chứng cứ như Điều lệ công ty, tổng số cổ phần phổ thông hiện hữu, Sổ cổ đông, giấy chứng nhận cổ phần của cổ đông/nhóm khởi kiện. Do đó, để đảm bảo việc thụ lý vụ án đúng quy định, tránh việc bị các cổ đông thiếu thiện chí lợi dụng việc khởi kiện gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, pháp luật tố tụng dân sự cần xây dựng cơ chế thu thập chứng cứ tiền tố tụng, theo đó, Tòa án trước khi thụ lý có quyền yêu cầu NQLCT hoặc công ty bổ sung các tài liệu, chứng cứ để xác định tỷ lệ cổ phần và thời gian mà cổ đông nắm giữ, ý kiến của công ty đối với yêu cầu khởi kiện để xem xét các yếu tố về điều kiện khởi kiện.

Kết luận

Quyền khởi kiện phái sinh không chỉ là một công cụ cần thiết để bảo vệ những cổ đông yếu thế, bảo vệ nhà đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh mà còn là công cụ mang tính chất răn đe, mang tính xã hội đối với người quản lý, điều hành công ty trong việc tuân thủ nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, để chế định này đi vào cuộc sống thì cần phải sự nỗ lực của các nhà lập pháp và các cơ quan tiến hành tố tụng để trước hết phản ánh đúng bản chất của quyền này để đưa ra những quy định đặc thù so với vụ kiện thông thường, thông qua việc xác định rõ

đặc điểm của quyền khởi kiện bao gồm: đối tượng tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện và kết quả của việc giải quyết tranh chấp. Đồng thời xây dựng cơ chế can thiệp của tòa án trong việc xem xét tính hợp lý và tính khả thi của vụ kiện nhằm hạn chế tình trạng cổ đông lạm dụng quyền khởi kiện phái sinh gây bất ổn định cho hoạt động của công ty.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Website công bố bản án của Tòa án nhân dân tối cao: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>
2. Bộ luật Tố tụng dân sự 2005.
3. Luật Doanh nghiệp năm 2014.
4. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
5. Trương Nhật Quang (2015), *Pháp luật về Doanh nghiệp: Các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb. Dân Trí.
6. Nguyễn Hữu Hưng (2016), “Nghiên cứu so sánh Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông trong công ty cổ phần theo pháp luật Vương quốc Anh và pháp luật Việt Nam”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội*, số 12 (43).
7. Công văn 212/TANDTC-PC ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.
8. Ralph C. Ferrara, Kevin T. Abikoff, Laura Leedy Gansler, *Shareholder Derivative litigation: Besieging the Board*.
9. Dan W. Puchniak and others, *The Derivative Action in Asia: A comparative and Functional Approach*, Cambridge book online ngày 15/11/2015.